

Bản tin chứng khoán

Trong số này

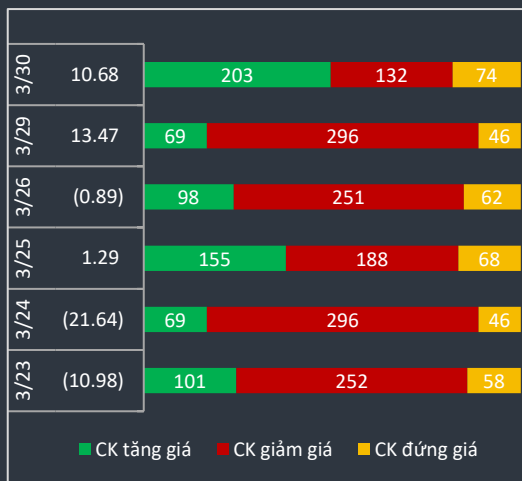
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	(132.24)	
VCB	(90.80)	
VRE	(88.61)	
CTG	(78.77)	
HDB	(34.88)	
BID	(31.99)	
GAS	(24.30)	
CII		10.71
KBC		11.03
MSN		14.78
GVR		16.81
HPG		21.86
VND		28.34
GEX		64.90
STB		71.18
SHB		90.63

Thị trường duy trì giao dịch tích cực phiên thứ hai trong tuần với thanh khoản tăng mạnh hơn 16 ngàn tỷ. Chỉ số index giữ xanh nhẹ đầu phiên sau đó tiến dần lên 10 điểm sau khi đóng cửa. Nhóm VN30 nổi bật có VIC tăng 3% cùng với MSN, TCH, TPB. Nhóm ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc hút tiền trong ngày với hàng loạt cổ phiếu tăng trần nóng như SHB, SSB, STB. STB đạt giao dịch đột biến gần 100 triệu cổ phiếu khớp lệnh. SHB cũng giao dịch đạt 45 triệu CP. Ngoài nhóm 3 CP trên, nhiều CP ngân hàng tăng mạnh trong ngày như VIB, LPB, ABB. CP ngân hàng duy nhất đỏ nhẹ là VCB.

Ngoài nhóm cổ phiếu ngân hàng thì dòng tiền vẫn tập trung mạnh vào nhóm penny đặc biệt là nhóm cổ phiếu họ FLC như ROS, AMD, FLC đều được đẩy trần cùng nhiều nhóm cổ phiếu dòng đầu cơ khác như HAI, DLG, FIT, TNT ...

Khối ngoại bán ròng khoảng 270 tỷ trong ngày trong đó nhiều nhất là VHM (132 tỷ), VCB (90 tỷ), VRE (88 tỷ). Một số cổ phiếu ngân hàng được mua mạnh như STB (3.5 triệu CP), SHB (gần 4 triệu CP), OCB (hơn 400 ngàn CP).

Về tin doanh nghiệp thì tổng công ty Viglacera (VGC) đã lên kế hoạch doanh thu hợp nhất 12.000 tỷ đồng, tăng 27% so với thực hiện năm trước; lợi nhuận trước thuế 1.000 tỷ đồng, tăng 19%.

Doanh nghiệp dự kiến rót thêm 2.400 tỷ đồng vào lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ khu công nghiệp, 375 tỷ cho lĩnh vực kinh doanh nhà trong khi đầu tư cho lĩnh vực vật liệu, nghiên cứu phát triển và đào tạo 25 tỷ đồng năm 2021. Trong năm 2020, tổng công ty đã đầu tư 2.386 tỷ đồng cho lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp và 281 tỷ cho kinh doanh nhà. Bên cạnh phát triển bất động sản khu công nghiệp trong nước thì Viglacera cũng lấn sân sang thị trường nước ngoài, cụ thể là Cuba. Mục tiêu đến 2025, tổng công ty có hơn 20 khu công nghiệp, với trên 10 khu công nghiệp mới tổng diện tích tăng thêm từ 2.000-3.000 ha.

Vnindex 1,186.36

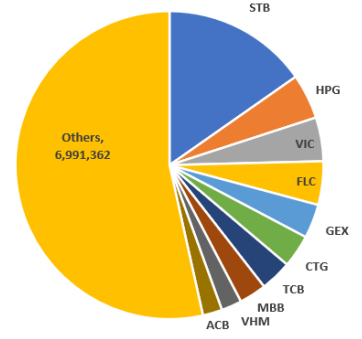
▲ +10.68 (+0.91%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
STB	20.5	1,300	6.77
VIB	46.4	2,450	5.57
VIC	117.0	4,200	3.72
MSN	88.5	2,400	2.79
TPB	27.8	400	1.46
BVH	60.0	800	1.35
SSI	31.8	400	1.27
TCB	40.1	500	1.26
GVR	28.2	350	1.26
VPB	45.0	450	1.01
CTG	40.4	400	1.00
SAB	175.0	1,700	0.98
ACB	33.3	300	0.91
NVL	80.7	700	0.88
HDB	26.2	200	0.77
POW	13.2	100	0.76
BID	42.9	300	0.71
BCM	57.8	300	0.52
HPG	46.5	150	0.32
VNM	99.2	200	0.20
MBB	28.3	50	0.18
GAS	89.6	100	0.11
VHM	96.3	100	0.10
DHG	99.8	-	-
VJC	131.6	-	-
PLX	55.5	(100)	(0.18)
PDR	61.8	(200)	(0.32)
VCB	94.8	(500)	(0.52)
MWG	129.4	(700)	(0.54)
PNJ	84.5	(500)	(0.59)
HVN	32.6	(200)	(0.61)
FPT	77.1	(500)	(0.64)
VRE	32.6	(450)	(1.36)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Cơ sóng cổ phiếu họ FLC chỉ là một phần của dòng tiền và hôm nay có thêm nhóm ngân hàng ở SHB, STB. Nhờ sóng những cổ phiếu này mà nhiều cổ phiếu khác được kéo lên nhờ hấp lực của dòng tiền quá mạnh. Chỉ số Vnindex đã có mức hồi phục hơn 24 điểm chỉ sau 2 phiên đầu tuần. Từ phiên thứ 4 chỉ số Vnindex sẽ tiệm cận trở lại mốc 1190 và hướng đến ngưỡng kháng cự 1200 thêm 1 lần nữa. Với động lực dòng tiền như hiện nay thì khả năng thị trường phiên thứ 4 sẽ tiếp tục khởi sắc tuy nhiên khi chỉ số càng tiệm cận mốc 1200 thì áp lực bán sẽ tăng dần theo. Một số cổ phiếu họ dầu khí như PVS, PVD, GAS đã có mức điều chỉnh tương đối trong mấy phiên vừa qua có thể xem xét chờ tín hiệu mua dần trở lại.

Chiến lược hiện tại tiếp tục duy trì mua tích lũy ở những phiên giảm mạnh và bán dần khi thị trường tăng mạnh. Nhà đầu tư nên hạn chế xu hướng mua từ phiên sau và tận dụng những nhịp tăng điểm để hiện thực dần lợi nhuận ngắn hạn.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DGW	130.0	1.00	90	120	Chốt lời	3/3/2021	30.0%
MBB	28.3	(0.20)	20	27	Chốt lời quanh 30	3/2/2021	16.5%
FPT	77.1	(2.20)	55	75	Chốt lời quanh 82-84	3/2/2021	10.1%
CTG	40.4	1.00	30	40	Chốt lời quanh 40-42	3/2/2021	15.8%
VPB	45.0	1.00	30	40	Mua quanh 30-32. Mục tiêu 50	3/2/2021	26.6%
HSG	27.9	(2.60)	18	28	Mua quanh 20-22. Mục tiêu 32	3/2/2021	16.5%
GVR	28.2	(3.90)	20	32	NĂm giữ. Chốt lời quanh 31-33	3/2/2021	12.8%
OCB	24.1	1.00	18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	3/2/2021	14.8%
NKG	23.3	1.00	17	23	Mua quanh 18-19. Mục tiêu 27	3/3/2021	22.4%
HPG	46.5	(0.30)	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 50	3/2/2021	10.6%
STB	20.5	9.00	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 22	3/2/2021	13.9%
MWG	129.4	(1.20)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	3/2/2021	1.5%
PNJ	84.5	0.40	75	90	Mua quanh 75-80. Mục tiêu 90	3/2/2021	1.9%
VCB	94.8	(1.00)	90	110	Mua quanh 90-95	3/2/2021	-4.1%
HNG	11.6	(2.50)	11	16	Mua quanh 12. mục tiêu 16	22/3/2021	0.4%
DIG	27.9	(1.30)	30	38	Mua quanh 30-32. Mục tiêu 38	22/3/2021	-10.0%

Chuẩn bị chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VNG	4.91
HVN	5.19
C47	5.41
VCI	6.07
NVT	6.53
SHI	6.69
HAP	6.74
TVB	6.75
TGG	6.75
CIG	6.82
ELC	6.82
SAV	6.84
TSC	6.84
MCG	6.85
SGR	6.89
PAN	6.98
VNE	7.00

Top tăng giá HNX

TST	9.18
DAE	9.36
L18	9.43
KTT	9.48
VTC	9.59
PMB	9.64
UNI	9.66
NSH	9.68
PCT	9.72
DTD	9.89
MCO	10.00

EVG - CTCP Tập đoàn Everland - Thông báo, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CTCP Crystal Holidays đã giảm từ 89,4% xuống còn 37,25% kể từ ngày 26/3/2021.

KOS - CTCP KOSY - Quyết định chuyển nhượng 2,5 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP KPT Việt Nam, với giá 17.300 đồng/cổ phần. Dự kiến chuyển nhượng thành công, KOS sẽ giảm sở hữu tại KPT Việt Nam xuống còn hơn 1,17 triệu cổ phần, tương ứng tỷ lệ 3,01%.

MCG - CTCP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam - Ngày 26/3, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc bán thoái vốn toàn bộ hơn 420.000 cổ phần sở hữu tại CTCP Xây dựng thủy lợi Meco Sài Gòn, với giá 10.500 đồng/cổ phần. Bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Ngọc Bình – Chủ tịch HĐQT của MCG.

LBM - CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng – Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2021 với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất 610 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 66 tỷ đồng, cổ tức theo tỷ lệ 25%.

PRC - CTCP Logistics Portserco - Ngày 19/4 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 20/4. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 14/5/2021.

RIC - Công ty cổ phần Quốc tế Hoàng Gia - Năm 2021, doanh nghiệp đặt kế hoạch tổng doanh thu 10,4 triệu USD, tương ứng 238,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 505.000 USD, tương ứng 11,6 tỷ VND.

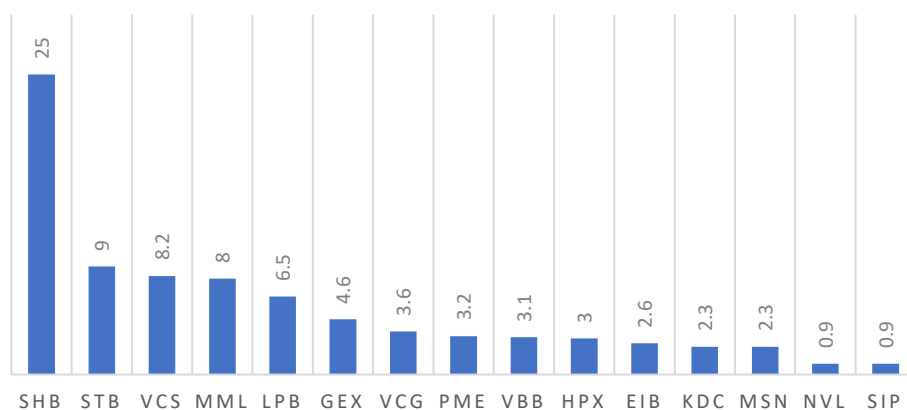
HLD - CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND - Năm 2021, Công ty dự kiến đạt 135 tỷ đồng tổng doanh thu, giảm 30% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 13,7 tỷ đồng, giảm 82%.

Ngoài ra, HLD lên kế hoạch giá trị sản xuất và kinh doanh năm 2021 gần 59 tỷ đồng, trong khi năm 2020 chỉ đạt 8,7 tỷ đồng. Giá trị đầu tư phát triển dự kiến hơn 26 tỷ đồng.

DBD – CTCP Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định - Đặt ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt 1.500 tỷ đồng, tăng 12,8% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 180 tỷ đồng, giảm 8,5%. Kế hoạch chia cổ tức 20% bằng tiền hoặc cổ phiếu, trong khi năm 2019 là 15%.

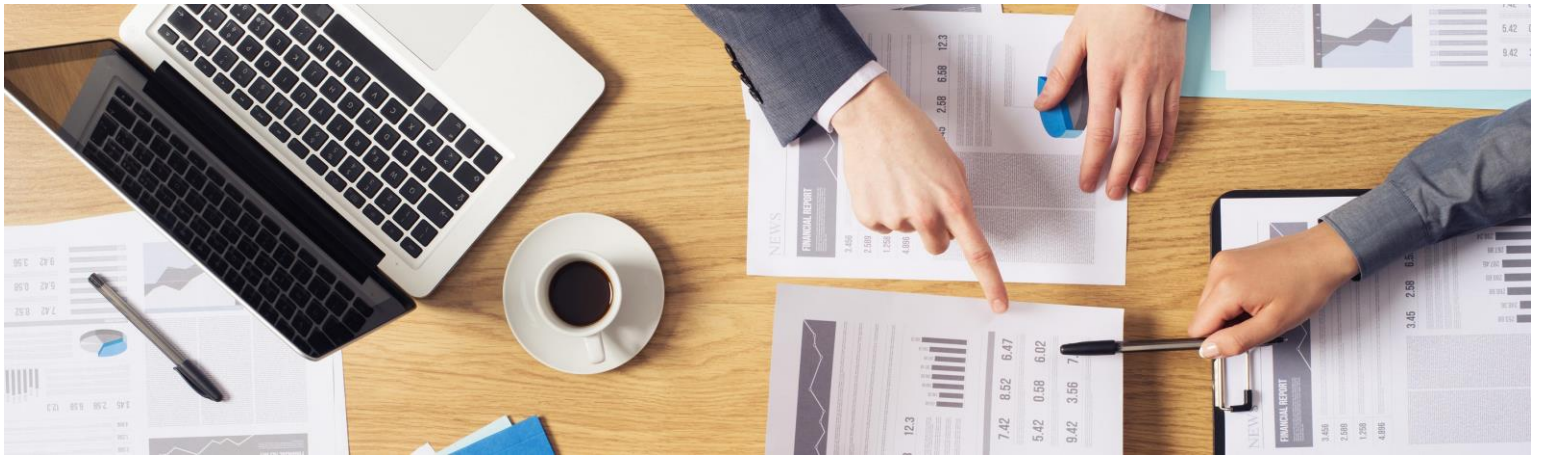


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

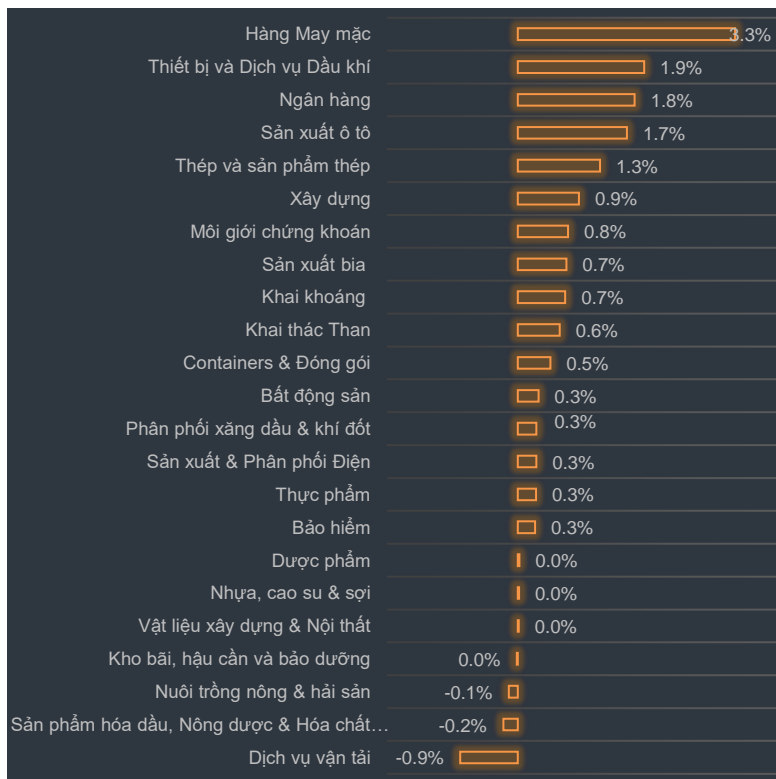
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	14.5	3,520,350	9.7	1.0	-	-	8,284	0.58	1,500	14,770
ACB	HOSE	33.3	8,053,200	10.8	2.2	20,000	173,200	71,980	2.51	3,090	15,230
BAB	HNX	29.1	38,400	35.9	2.5	-	-	20,617	0.04	810	11,570
BID	HOSE	42.85	2,304,200	20.1	2.2	13,400	763,000	172,343	46.11	2,130	19,450
CTG	HOSE	40.4	11,152,600	13.7	1.8	67,700	2,017,700	150,426	0.04	2,950	22,230
EIB	HOSE	19.5	1,753,400	27.9	1.4	16,000	1,400	23,974	97.50	700	13,500
HDB	HOSE	26.2	4,092,000	7.5	1.4	254,800	1,593,400	41,757	46.32	3,490	19,140
LPB	UPCOM	17.3	21,012,600	10.1	1.2	8,600	19,300	18,591	1.77	1,720	14,090
MBB	HOSE	28.3	13,184,900	9.5	1.6	665,600	613,900	79,205	2.24	2,990	18,140
MSB	HOSE	21.65	3,757,300	16.9	1.6	1,100	4,200	25,049	1.61	1,280	13,750
NVB	HNX	15.2	5,151,460	138.2	1.5	-	-	6,183	-	110	10,400
OCB	HOSE	24.1	3,200,900	4.3	1.7	411,800	-	26,411	15.00	5,610	14,510
SHB	HNX	23.5	44,819,732	15.2	1.7	4,071,700	132,800	41,137	1.40	1,550	13,600
STB	HOSE	20.5	99,978,500	15.5	1.3	4,124,800	498,200	36,975	39.12	1,320	15,640
TCB	HOSE	40.05	10,768,300	12.6	2.0	-	-	140,371	2.53	3,180	19,620
TPB	HOSE	27.8	2,611,900	6.4	1.5	-	-	28,680	1.17	4,350	18,280
VCB	HOSE	94.8	1,748,700	20.5	3.8	181,700	1,143,400	351,602	-	4,630	25,200
VIB	HOSE	46.4	1,177,200	10.3	3.5	-	17,100	51,476	6.49	4,490	13,340
VPB	HOSE	44.95	3,701,300	10.8	2.2	19,600	-	110,341	56.25	4,150	20,260
			242,026,942	20.83	1.90	9,856,800	6,977,600	1,243,586		2,634	16,459



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	RDP	HOSE	2/4/2021	5/4/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:16	Thưởng cổ phiếu
2	KCE	UPCoM	29/03/2021	30/03/2021	20/04/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	DP3	HNX	26/03/2021	29/03/2021	28/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 8,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	TMW	UPCoM	26/03/2021	29/03/2021	5/5/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	EPH	UPCoM	24/03/2021	25/03/2021	12/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CX8	HNX	24/03/2021	25/03/2021	28/04/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SFI	HOSE	24/03/2021	25/03/2021	7/4/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	EBS	HNX	23/03/2021	24/03/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	LBE	HNX	23/03/2021	24/03/2021	14/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	ECI	HNX	23/03/2021	24/03/2021	29/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	EAD	UPCoM	23/03/2021	24/03/2021	15/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	KHS	HNX	23/03/2021	24/03/2021	5/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VDP	HOSE	22/03/2021	23/03/2021	17/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VNL	HOSE	22/03/2021	23/03/2021	20/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	TPH	HNX	22/03/2021	23/03/2021	21/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	L18	HNX	19/03/2021	22/03/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	RCL	HNX	19/03/2021	22/03/2021	8/6/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	NDP	UPCoM	19/03/2021	22/03/2021	9/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PMC	HNX	19/03/2021	22/03/2021	5/4/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	ABI	UPCoM	19/03/2021	22/03/2021	8/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PJC	HNX	18/03/2021	19/03/2021	30/03/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TTC	HNX	18/03/2021	19/03/2021	1/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	THG	HOSE	18/03/2021	19/03/2021	7/4/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	THP	UPCoM	17/03/2021	18/03/2021	31/03/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HND	UPCoM	17/03/2021	18/03/2021	30/03/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 750 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	PDN	HOSE	17/03/2021	18/03/2021	30/03/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	PPP	HNX	16/03/2021	17/03/2021	19/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	TQN	UPCoM	16/03/2021	17/03/2021	31/03/2021	Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 4,630.6 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: AMD, TIG, FLC

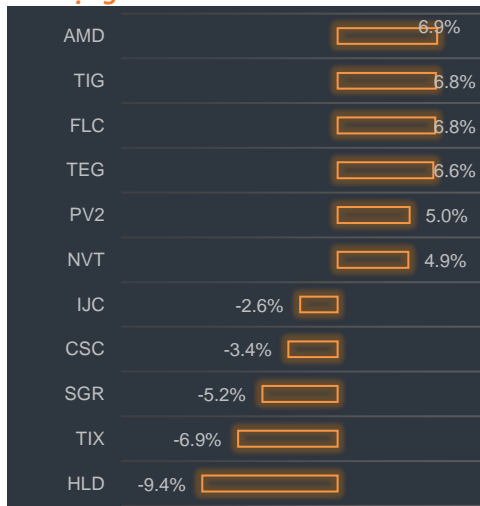
Xây dựng: SHN, VC1, SCI

Dầu khí: PMG, PVD, PVC

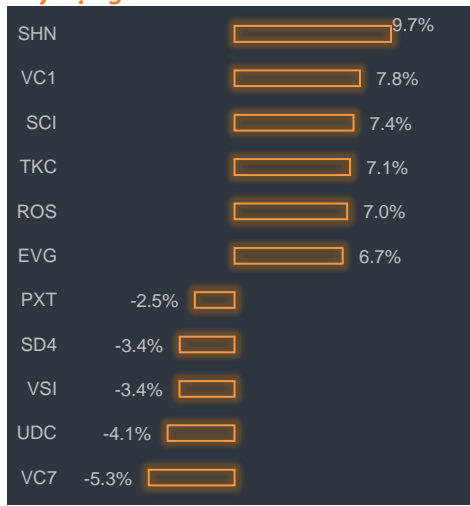
Chứng khoán: VIG, PSI, SBS

Ngân hàng: SHB, STB, VIB

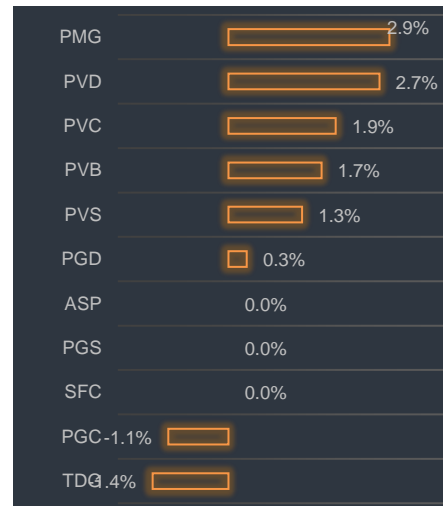
Bất động sản



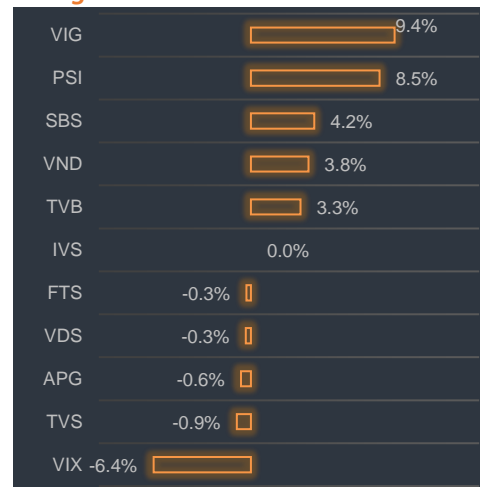
Xây dựng



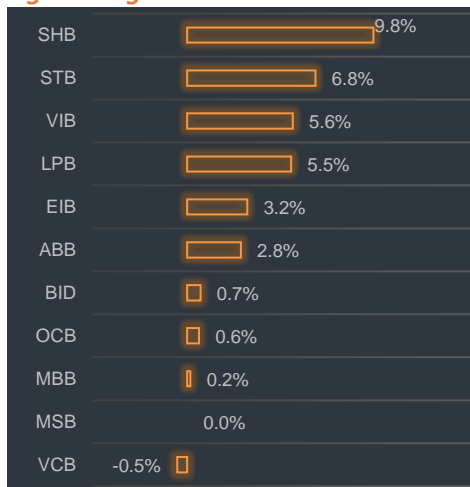
Dầu khí



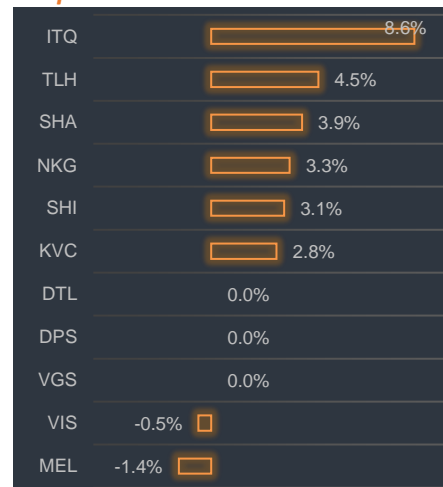
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931